



Centers for Disease Control and Prevention
CDC 24/7: Saving Lives, Protecting People™

Bệnh Do Vi-rút Corona 2019 (COVID-19)



Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm: Trang web này được cập nhật thường xuyên. Một số nội dung có thể còn bằng tiếng Anh cho đến khi được dịch hết.

Số ca bệnh tại Hoa Kỳ

Cập nhật ngày 26 tháng 8 năm 2020 [ln](#)

TỔNG SỐ CA BỆNH

5,752,653

37,086 Số ca bệnh mới*

TỔNG SỐ CA TỬ VONG

177,759

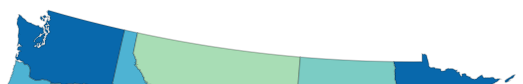
1.142 Ca Tử Vong Mới*

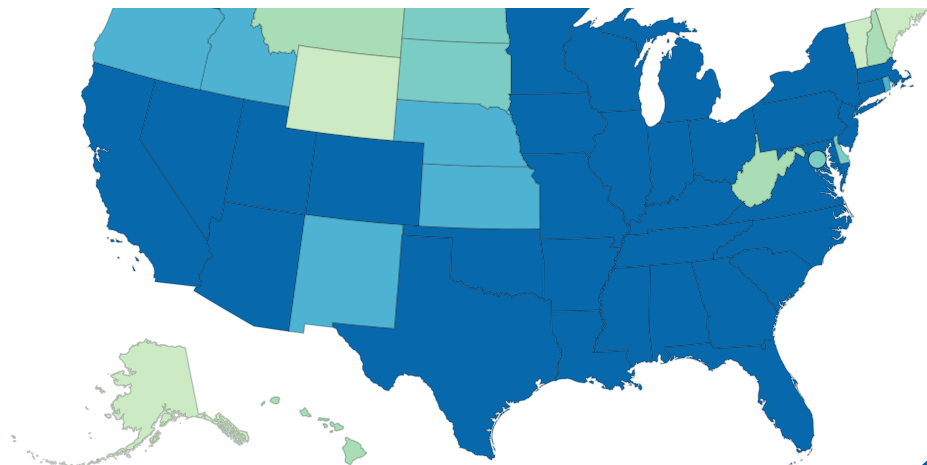


Trang này được cập nhật hàng ngày dựa trên dữ liệu được xác nhận lúc 4:00 giờ chiều giờ miền Đông vào ngày hôm trước.

Số ca bệnh theo khu vực phân quyền

Bản đồ này hiển thị số ca bệnh COVID-19 được báo cáo bởi các tiểu bang của Hoa Kỳ, Thủ đô Washington, Thành phố New York và các khu vực phân quyền trực thuộc Hoa Kỳ khác. Di chuột qua các bản đồ để xem số ca bệnh được báo cáo trong mỗi khu vực phân quyền. Để truy cập trang web của sở y tế của một khu vực phân quyền, nhấp vào khu vực đó trên bản đồ.





AS GU MH FM MP PW PR VI



Các Ca Bệnh Đã Được Báo Cáo

☐ 0 đến 1.000 ☐ 1,001 đến 5,000 ☐ 5,001 đến 10,000 ☐ 10,001 đến 20,000

☐ 20,001 đến 40,000 ☐ 40.001 trở lên

Khu vực phân quyền			
Khu Vực Phân Quyền	Số Ca Bệnh Đã Xác N	Số Ca Bệnh Có Thể Có	Tổng Số Ca
☐ Alabama	110,954	6,286	117,240
☐ Alaska	N/A	N/A	4,843
☐ American Samoa	N/A	N/A	0
☐ Arizona	197,671	1,602	199,273
☐ Arkansas	N/A	N/A	57,374
☐ California	N/A	N/A	673,095
☐ Colorado	52,074	3,726	55,800
☐ Connecticut	49,971	2,069	52,040
☐ Delaware	15,991	995	16,986
☐ Washington D.C.	N/A	N/A	13,684
☐ Florida	N/A	N/A	599,176
☐ Georgia	N/A	N/A	258,354
☐ Guam	N/A	N/A	984
☐ Hawaii	N/A	N/A	6,476
☐ Idaho	28,322	2,143	30,465
☐ Illinois	223,470	1,417	224,887
☐ Indiana	N/A	N/A	88,421
☐ Iowa	N/A	N/A	57,294
☐ Kansas	37,401	1,000	38,401
☐ Kentucky	41,054	3,514	44,568
☐ Louisiana	N/A	N/A	144 116

Maine	3,943	447	4,390
Marshall Islands	N/A	N/A	0
Maryland	N/A	N/A	105,486
Massachusetts	116,770	9,418	126,188
Michigan	98,439	10,198	108,637
Micronesia	N/A	N/A	0
Minnesota	N/A	N/A	71,236
Mississippi	76,228	2,978	79,206
Missouri	N/A	N/A	76,636
Montana	6,785	0	6,785
Nebraska	N/A	N/A	32,348
Nevada	N/A	N/A	66,680
New Hampshire	N/A	N/A	7,150
New Jersey	N/A	N/A	190,021
New Mexico	N/A	N/A	24,535
New York	N/A	N/A	431,920
North Carolina	N/A	N/A	157,741
North Dakota	N/A	N/A	10,467
Northern Marianas	54	0	54
Ohio	110,343	6,152	116,495
Oklahoma	54,162	4,744	58,906
Oregon	25,391	0	25,391
Palau	N/A	N/A	0
Pennsylvania	126,350	3,685	130,035
Puerto Rico	14,010	16,734	30,744
Rhode Island	N/A	N/A	21,372
South Carolina	112,088	1,400	113,488
South Dakota	N/A	N/A	11,505
Tennessee	142,251	3,166	145,417
Texas	N/A	N/A	586,730
Utah	50,090	423	50,513
Vermont	N/A	N/A	1,572
Virgin Islands	N/A	N/A	1,030
Virginia	110,437	5,021	115,458
Washington	N/A	N/A	71,705
West Virginia	9,219	176	9,395
Wisconsin	71,492	4,814	76,306
Wyoming	3,089	545	3,634

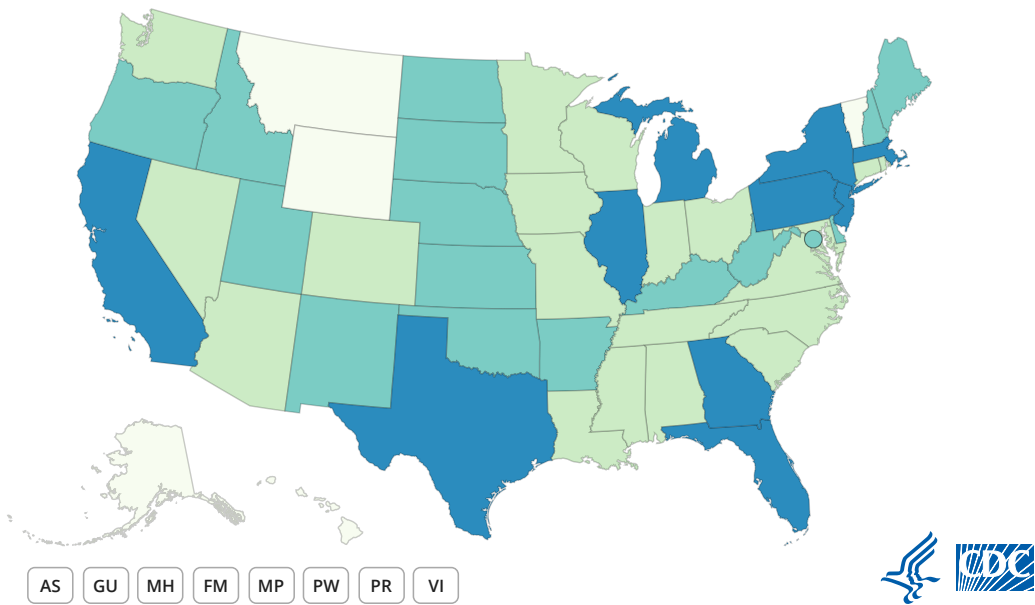
New York State's case and death counts do not include New York City's counts.

Not all jurisdictions report confirmed and probable cases and deaths to CDC. When not available to CDC, it is noted as N/A.

Thêm Bản Đồ Hoa Kỳ
vào Trang Web của Quý
Vị

Số ca tử vong theo khu vực phân quyền

Bản đồ này hiển thị số ca bệnh COVID-19 được báo cáo bởi các tiểu bang của Hoa Kỳ, Thủ đô Washington, Thành phố New York và các khu vực phân quyền trực thuộc Hoa Kỳ khác. Di chuột qua các bản đồ để xem số ca tử vong được báo cáo trong mỗi khu vực phân quyền. Để truy cập trang web của sở y tế của một khu vực phân quyền, nhấp vào khu vực đó trên bản đồ.



Số ca tử vong đã báo cáo

☐ 0 to 100 ☐ 1,001 to 5,000 ☐ 101 to 1,000 ☐ 5,001 trở lên

Khu vực phân quyền			
Khu Vực Phân Quyền	Số Tử Vong Đã Xác N	Số Tử Vong Có Thể Có	Tổng Số Tử Vong
☐ Alabama	1,962	68	2,030
☐ Alaska	N/A	N/A	36
☐ American Samoa	N/A	N/A	0
☐ Arizona	4,535	257	4,792

☐ Arkansas 	N/A	N/A	711
☐ California 	N/A	N/A	12,257
☐ Colorado 	1,580	346	1,926
☐ Connecticut 	3,580	883	4,463
☐ Delaware 	533	71	604
☐ Washington D.C. 	N/A	N/A	604
☐ Florida 	N/A	N/A	10,580
☐ Georgia 	N/A	N/A	5,262
☐ Guam 	N/A	N/A	7
☐ Hawaii 	N/A	N/A	49
☐ Idaho 	293	33	326
☐ Illinois 	7,917	209	8,126
☐ Indiana 	3,023	218	3,241
☐ Iowa 	N/A	N/A	1,052
☐ Kansas 	N/A	N/A	426
☐ Kentucky 	889	6	895
☐ Louisiana 	4,656	141	4,797
☐ Maine 	N/A	N/A	132
☐ Marshall Islands 	N/A	N/A	0
☐ Maryland 	3,574	143	3,717
☐ Massachusetts 	8,729	232	8,961
☐ Michigan 	6,417	267	6,684
☐ Micronesia 	N/A	N/A	0
☐ Minnesota 	1,793	49	1,842
☐ Mississippi 	2,201	114	2,315
☐ Missouri 	N/A	N/A	1,440
☐ Montana 	97	0	97
☐ Nebraska 	N/A	N/A	383
☐ Nevada 	N/A	N/A	1,259
☐ New Hampshire 	N/A	N/A	429
☐ New Jersey 	14,124	1,829	15,953
☐ New Mexico 	N/A	N/A	750
☐ New York 	N/A	N/A	32,604
☐ North Carolina 	N/A	N/A	2,570
☐ North Dakota 	N/A	N/A	138
☐ Northern Marianas 	2	0	2
☐ Ohio 	3,716	280	3,996
☐ Oklahoma 	744	0	744
☐ Oregon 	128	0	128

☐ Alaska	720	0	720
☐ Palau	N/A	N/A	0
☐ Pennsylvania	N/A	N/A	7,605
☐ Puerto Rico	263	141	404
☐ Rhode Island	N/A	N/A	1,039
☐ South Carolina	2,408	121	2,529
☐ South Dakota	159	2	161
☐ Tennessee	1,587	41	1,628
☐ Texas	N/A	N/A	11,576
☐ Utah	400	0	400
☐ Vermont	N/A	N/A	58
☐ Virgin Islands	N/A	N/A	14
☐ Virginia	2,382	133	2,515
☐ Washington	N/A	N/A	1,876
☐ West Virginia	N/A	N/A	187
☐ Wisconsin	1,094	8	1,102
☐ Wyoming	37	0	37

New York State’s case and death counts do not include New York City’s counts.

Not all jurisdictions report confirmed and probable cases and deaths to CDC. When not available to CDC, it is noted as N/A.

Thêm Bản Đồ Hoa Kỳ
vào Trang Web của Quý
Vị

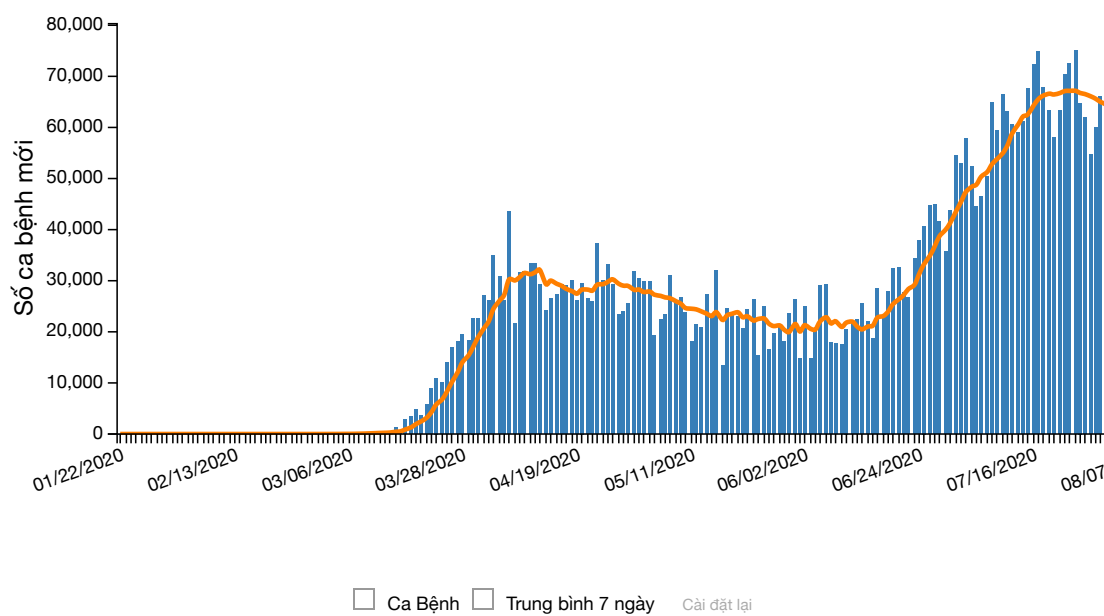
Số ca bệnh và tử vong theo quận

Chọn một tiểu bang để xem số ca bệnh và tử vong theo quận. Dữ liệu này được cung cấp từ [USAfacts.org](#)

Hiển Thị Dữ Liệu Quốc Gia

Ca Bệnh Mới theo Ngày

Biểu đồ sau đây cho thấy số ca bệnh COVID-19 mới được báo cáo mỗi ngày ở Hoa Kỳ kể từ khi bắt đầu bùng phát. Di chuột qua các thanh để xem số ca bệnh mới theo ngày.



Trung bình 7 ngày của các ca bệnh mới (ngày hiện tại + 6 ngày trước đó / 7) được tính toán để làm tròn các thay đổi dự kiến trong số đếm hàng ngày.

Xem dữ liệu

	01/22/2020	01/23/2020	01/24/2020	01/25/2020	01/26/2020	01/27/2020
Ca Bệnh	1	0	1	0	3	0
Trung bình 7 ngày	0	0	0	0	1	1

Cuộn để xem thông tin bổ sung

Số ca bệnh và tử vong trong nhân viên chăm sóc y tế

Data were collected from 4,355,851 people, but healthcare personnel status was only available for 1,012,298 (23.2%) people. Trong số 144.799 ca mắc COVID-19 trong lực lượng nhân viên chăm sóc y tế, số liệu tử vong chỉ có sẵn cho 101.839 (70,3%).

SỐ CA BỆNH TRONG LỰC LƯỢNG HCP	SỐ CA TỬ VONG TRONG LỰC LƯỢNG HCP
144.799	661

Dữ liệu trước đây

CDC đã chuyển các thông tin sau sang trang [Dữ liệu về số ca bệnh COVID-19 trước đây ở Hoa Kỳ](#).

- Cấp độ lây truyền cộng đồng theo khu vực phân quyền - cập nhật lần cuối ngày 18 tháng 5 năm 2020
- Tổng số ca bệnh theo ngày - cập nhật lần cuối ngày 28 tháng 4 năm 2020
- Số ca bệnh theo nguồn phơi nhiễm - cập nhật lần cuối ngày 16 tháng 4 năm 2020
- Số ca bệnh từ Vũ Hán, Trung Quốc và du thuyền Diamond Princess - cập nhật lần cuối ngày 16 tháng 4 năm 2020
- Số ca bệnh theo ngày bắt đầu bệnh - cập nhật lần cuối ngày 15 tháng 4 năm 2020

Thông Tin Thêm

[COVIDView - Tóm Tắt Giám Sát Hàng Tuần về Hoạt Động Ứng Phó COVID-19 tại Hoa Kỳ](#)

[Dữ Liệu Trước Đó về Ca Bệnh COVID-19 tại Hoa Kỳ](#)

[Câu Hỏi Thường Gặp: Dữ Liệu và Giám Sát Tình Hình COVID-19](#)

[Dữ Liệu Xét Nghiệm tại Hoa Kỳ](#)

[Sở Y Tế](#)

Cập nhật lần cuối ngày 25 tháng 8 năm 2020

Nguồn nội dung: [Trung Tâm Quốc Gia về Chứng Ngừa và Bệnh Hô Hấp \(NCIRD\)](#), [Phân Ban Bệnh Do Vi-rút](#)